

Số: 302/ TTr-UBND

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND Thành phố về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo, trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ điểm đ, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “*Quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại Điều 35 Luật Thủy lợi và quy định của pháp luật khác có liên quan*”.

2. Căn cứ Điều 35 Luật Thủy lợi năm 2017 quy định: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trên cơ sở giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định*”.

3. Căn cứ Điều 3 Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 quy định: “*Điều 3. Căn cứ mức giá tối đa quy định tại Điều 1 Quyết định này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua theo quy định hiện hành nhưng không được vượt quá mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính quy định tại Điều 1 Quyết định này*”.

Theo các quy định nêu trên Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 là cần thiết, có cơ sở pháp lý.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;
- Luật Giá năm 2012;
- Luật Thủy lợi năm 2017;
- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;
- Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;
- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên;
- Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021;

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 để làm cơ sở thanh quyết toán hoạt động cung ứng dịch vụ công ích thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021.

2. Quan điểm xây dựng

Ủy ban nhân dân Thành phố đề xuất HĐND Thành phố thông qua Nghị quyết giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 bằng mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đang áp dụng trên địa bàn Thành phố do HĐND Thành phố khóa XV kỳ họp thứ 7 đã thông qua tại Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 và bằng mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính quy định tại Điều 1 Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài Chính về giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 với các lý do như sau:

- Từ ngày 01/01/2017 đến nay sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được chuyển từ danh mục phí sang giá dịch vụ do Nhà nước định giá. Thành phố quyết định giá dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố bằng mức giá tối đa do Trung ương ban hành. Cụ thể: (1) Ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 280/2016/TT-BTC quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (mức giá bằng với mức thu thủy lợi phí quy định tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ). Ngày 31/12/2016, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND bằng mức giá tối đa tại

Thông tư số 280/2016/TT-BTC; (2) Ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1050a/QĐ-BTC quy định giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020, trong đó mức giá tối đa không thay đổi so với Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016. Ngày 05/12/2018 Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội (trên cơ sở đó UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 về việc ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội) bằng mức giá tối đa tại Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính.

- Ngày 05/8/2021, Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 1477/QĐ-BTC về giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021. Theo đó mức giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi không thay đổi so với Thông tư số 280/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016, Quyết định số 1050a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính (mức giá đã được Thành phố ban hành tại Quyết định số 55/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016, Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND và Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019), mặc dù trong thời gian qua, các chi phí đầu vào như chi phí nhân công, nguyên vật liệu,... đều tăng lên.

- Trong những năm qua, mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi nêu trên chưa đáp ứng chi phí thực tế phát sinh để phục vụ công tác quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội của các doanh nghiệp thủy lợi. Vì vậy, từ năm 2017 đến nay hàng năm Thành phố vẫn hỗ trợ thêm kinh phí cho các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố.

IV. CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách này áp dụng cho các hoạt động cung ứng dịch vụ công ích thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021.

2. Mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021

2.1. Mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

STT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Khu vực các xã miền núi	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.811
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539

HL

STT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
2	Khu vực đồng bằng	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.646
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.152
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.399
3	Khu vực các xã vùng trung du, bán sơn địa	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.433
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.003
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.218

(1) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá trên.

(2) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá trên.

(3) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá trên.

(4) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích (kể cả diện tích do các Công ty thủy lợi tỉnh ngoài phục vụ) thì mức giá dịch vụ công ích thủy lợi cho tưới bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá trên.

(5) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì mức giá được tính tăng thêm 20% mức giá trên.

(6) Đối với trường hợp diện tích canh tác một vụ lúa, một vụ cá thu bằng mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa tương ứng. (Mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với diện tích canh tác một vụ lúa, một vụ cá không được quy định tại Điều 1 Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05/8/2021. Tuy nhiên, một số địa phương trên địa bàn Thành phố thực tế có diện tích canh tác nêu trên nên khi ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2019, Ủy ban nhân dân Thành phố đã trình bổ sung mức giá cho diện tích một vụ lúa, một vụ cá bằng mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa tương ứng và đã được Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận tại Nghị quyết 12/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018).

2.2. Mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất không sử dụng vào mục đích trồng lúa:

(1) Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức giá dịch vụ công ích thủy lợi bằng 40% mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

(2) Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, hoa, cây ăn quả, cây dược liệu: mức giá bằng 1.020 đồng/m³ cho cấp nước bằng động lực; bằng 840 đồng/m³ cho cấp nước bằng trọng lực. Nếu không tính được theo mét khối (m³) thì thu theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức thu dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho 1 năm.

(3) Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản: mức giá bằng 840 đồng/m³ cho cấp nước bằng động lực; bằng 600 đồng/m³ cho cấp nước bằng trọng lực; Nếu không thu được theo mét khối (m³) thì thu theo diện tích (ha), mức giá bằng 2.500.000 đồng/ha/năm. Đối với trường hợp chỉ cấp nước tạo nguồn hoặc nuôi trồng thủy sản 01 vụ/năm thì mức giá bằng 50% mức giá dịch vụ công ích thủy lợi trên.

2.3. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

2.4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Nghị quyết là giá không có thuế giá trị gia tăng.

2.5. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội nêu trên được áp dụng cho cả năm ngân sách 2021.

V. GIẢI PHÁP, KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

- Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021; chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã tổ chức thực hiện chính sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Dự kiến ngân sách Thành phố cân đối, bố trí kinh phí tối đa cho hoạt động cung ứng dịch vụ công ích thủy lợi theo mức giá nêu trên là **382.000 triệu đồng/năm**.

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

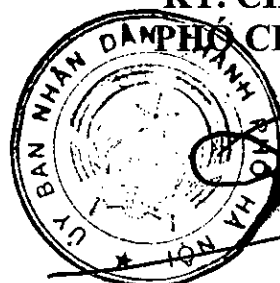
- Như trên; ✓
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VP: Thành ủy, HĐND TP;
- Các Sở: NN&PTNT, TC, KH&ĐT, TP;
- VPUB: CVP, các PCVP, KT, TH, TKBT;
- Lưu VT, KT_{Thủy}. *Nh*

65167 - 45

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Quyền

Số: /NQ-HĐND

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn
thành phố Hà Nội năm 2021**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ BA**

(từ ngày 07/12/2021 đến ngày 11/12/2021)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Giá năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết về sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .. tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày ../2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2021 trên cơ sở giá tối đa sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi do Bộ Tài chính ban hành tại Quyết định số 1477/QĐ-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2021 như sau:

1. Mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

STT	Vùng và biện pháp công trình	Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Khu vực các xã miền núi	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.811
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
2	Khu vực đồng bằng	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.646
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.152
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.399
3	Khu vực các xã vùng trung du, bán sơn địa	
	- Tưới tiêu bằng động lực	1.433
	- Tưới tiêu bằng trọng lực	1.003
	- Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.218

a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá trên.

b) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá trên.

c) Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá trên.

d) Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích (kể cả diện tích do các Công ty thủy lợi tỉnh ngoài phục vụ) thì mức giá dịch vụ công ích thủy lợi cho tưới bằng 70%, cho tiêu bằng 30% mức giá trên.

đ) Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì mức giá được tính tăng thêm 20% mức giá trên.

e) Đối với trường hợp diện tích canh tác một vụ lúa, một vụ cá thu bằng mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa tương ứng.

2. Mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất không sử dụng vào mục đích trồng lúa:

a) Đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức giá dịch vụ công ích thủy lợi bằng 40% mức giá dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa.

b) Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, hoa, cây ăn quả, cây dược liệu: mức giá bằng 1.020 đồng/m³ cho cấp nước bằng động lực; bằng 840 đồng/m³ cho cấp nước bằng trọng lực. Nếu không tính được theo mét khối

(m³) thì thu theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức thu dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho 1 năm.

c) Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản: mức giá bằng 840 đồng/m³ cho cấp nước bằng động lực; bằng 600 đồng/m³ cho cấp nước bằng trọng lực; Nếu không thu được theo mét khối (m³) thì thu theo diện tích (ha), mức giá bằng 2.500.000 đồng/ha/năm. Đối với trường hợp chỉ cấp nước tạo nguồn hoặc nuôi trồng thủy sản 01 vụ/năm thì mức giá bằng 50% mức giá dịch vụ công ích thủy lợi trên.

3. Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi quy định tại Nghị quyết là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn Thành phố theo quy định và tổ chức thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVI, kỳ họp thứ ba thông qua ngày tháng 12 năm 2021, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng cho cả năm ngân sách 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Các bộ: NN&PTNT, Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ TP;
- Các vị đại biểu HĐND TP;
- VP Thành ủy, VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Cổng Giao tiếp điện tử TP, Công báo TP;
- Các cơ quan thông tấn báo chí của TP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Tuấn